

Số:02/BC-THPA

An Phú, ngày 12 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO
SƠ KẾT CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN TIỂU HỌC
NĂM HỌC 2025 – 2026

Căn cứ Hướng dẫn số 654/SGDDT-GDMNTH ngày 20/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi, về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDTH năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số 538/UBND – VHXXH của UBND xã An Phú V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học năm học 2025-2026;

Căn cứ vào hoạt động dạy và học của nhà trường, bộ phận chuyên môn trường Tiểu học Phổ An báo cáo kết quả chuyên môn cuối học kỳ I năm học 2025-2026 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của UBND Xã ; sự phối hợp chặt chẽ của chính quyền địa phương và Ban đại diện cha mẹ học sinh.
- Đội ngũ giáo viên cơ bản đủ về số lượng, có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác, chủ động đổi mới phương pháp dạy học.
- Học sinh đa số chăm ngoan, có ý thức học tập, phụ huynh quan tâm đến việc học của con em.

2. Khó khăn

- Một số học sinh có hoàn cảnh khó khăn, năng lực học tập chưa đồng đều.
- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tuy được quan tâm đầu tư nhưng chưa thật sự đồng bộ.
- Việc ứng dụng công nghệ thông tin của một số giáo viên còn hạn chế.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

1. Công tác quản lý, chỉ đạo chuyên môn

- Xây dựng và triển khai đầy đủ kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn, kế hoạch giáo dục nhà trường theo Chương trình GDPT 2018.
- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ theo tổ/khối và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.
- Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học; chú trọng kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học

- 100% giáo viên thực hiện đúng chương trình, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục.
- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
- Thực hiện hiệu quả việc dạy học tích hợp, giáo dục STEM, giáo dục địa phương theo quy định.

3. Công tác kiểm tra, đánh giá học sinh

- Thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT đảm bảo khách quan, công bằng, đúng quy định.
- Chú trọng đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; tăng cường nhận xét, động viên, khuyến khích học sinh trong học tập và rèn luyện.
- Kết quả sơ kết học kỳ I:

***Kết quả các môn học đánh giá bằng điểm số:**

KHỐI	Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	Đạt (%)	SL	Đạt (%)	SL	Đạt (%)
1	Tiếng việt	75	42,86	87	49,71	13	7,43
	Toán	102	58,29	66	37,71	7	4
2	Tiếng việt	91	45,05	99	49,01	12	5,94
	Toán	112	55,45	78	38,61	12	5,94
3	Tiếng việt	82	37,27	120	54,55	18	8,18
	Toán	85	38,64	116	52,73	19	8,63

	Tiếng Anh	111	50,45	93	42,27	16	7,2
	TH-CN	94	42,73	103	46,82	23	10,45
4	Tiếng việt	61	33,15	110	59,78	13	7,07
	Toán	78	42,39	89	48,37	17	9,24
	Khoa học	89	48,37	88	47,83	7	3,8
	LS&ĐL	100	54,35	82	44,56	2	1,09
	T. Anh	74	40,22	94	51,09	16	8,69
	TH-CN	132	71,74	51	27,72	1	0,54
5	Tiếng việt	92	40,35	129	56,58	7	3,07
	Toán	103	45,18	117	51,32	8	3,51
	Khoa học	137	60,09	89	39,04	2	1,0
	LS&ĐL	129	56,58	99	43,42	0	0
	T. Anh	89	39,04	97	42,54	42	18,42

	TH-CN	59	25,9	119	52,2	50	21,9
--	-------	----	------	-----	------	----	------

4.1. Về phẩm chất

Khối	Nội dung	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	Đạt (%)	SL	Đạt (%)	SL	Đạt (%)
1	Yêu nước	175	171	98,3	4	1,7	0	0
	Nhân ái	175	171	98,3	4	1,7	0	0
	Chăm chỉ	175	117	67,2	54	30,5	4	2,3
	Trung thực	175	152	87,4	23	12,6	0	0
	Trách nhiệm	175	117	67,2	56	31,6	2	1,2
2	Yêu nước	202	199	98,5	3	1,5	0	0
	Nhân ái	202	200	99	2	1,0	0	0
	Chăm chỉ	202	139	68,8	61	30,2	2	1,0
	Trung thực	202	159	78,7	41	20,3	2	1,0
	Trách nhiệm	202	140	69,3	60	29,7	2	1,0
3	Yêu nước	220	211	95,9	9	4,1	0	0
	Nhân ái	220	208	94,5	12	5,5	0	0
	Chăm chỉ	220	139	63,2	76	34,5	5	2,3
	Trung thực	220	176	80	42	19,1	2	0,9
	Trách nhiệm	220	154	70	64	29,1	2	0,9
4	Yêu nước	184	140	76,1	44	23,9	0	0
	Nhân ái	184	141	76,63	43	23,37	0	0
	Chăm chỉ	184	78	42,4	106	57,6	0	0
	Trung thực	184	130	70,65	54	29,35	0	0
	Trách	184	87	47,28	97	52,72	0	0

	nhiệm							
5	Yêu nước	228	181	79,4	47	20,6	0	0
	Nhân ái	228	185	81,1	43	18,9	0	0
	Chăm chỉ	228	140	61,4	79	34,6	9	4,0
	Trung thực	228	176	77,2	52	22,8	0	0
	Trách nhiệm	228	159	69,7	62	27,2	7	3,1

4.2. Về năng lực

• Năng lực chung

Khối	Nội dung	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	Đạt (%)	SL	Đạt (%)	S L	Đạt (%)
1	Năng lực tự chủ và tự học	175	98	56,0	64	36,6	13	7,4
	Năng lực giao tiếp và hợp tác	175	108	61,7	61	34,9	6	3,4
	Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	175	101	57,7	64	36,6	10	5,7
2	Năng lực tự chủ và tự học	202	140	69,3	52	25,7	10	5,0
	Năng lực giao tiếp và hợp tác	202	141	69,8	51	25,2	10	5,0
	Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	202	141	69,8	51	25,2	10	5,0
3	Năng lực tự chủ và tự học	220	131	59,5	80	36,4	9	4,1
	Năng lực giao tiếp và hợp tác	220	138	62,7	68	30,9	14	6,4
	Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	220	105	47,7	98	44,5	17	7,8
4	Năng lực tự chủ và tự học	184	85	46,2	90	48,9	9	4,9
	Năng lực giao tiếp và hợp tác	184	92	50,0	91	49,4	1	0,6
	Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	184	74	40,2	100	54,3	10	5,5
5	Năng lực tự chủ và tự học	228	96	42,1	104	45,6	28	12,3
	Năng lực giao tiếp và hợp tác	228	103	45,2	97	42,5	28	12,3

	Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	228	68	29,8	97	42,6	63	27,6
--	--	-----	----	------	----	------	----	------

- Năng lực đặc thù:

Khối	Nội dung	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	Đạt (%)	SL	Đạt (%)	SL	Đạt (%)
1	Ngôn ngữ	175	73	41,7	89	50,9	13	7,4
	Tính toán	175	104	59,4	64	36,6	7	4,0
	Tin học	175						
	Công Nghệ	175						
	Khoa học	175	101	57,7	73	41,7	1	0,6
	Thẩm mỹ	175	74	42,3	98	56,0	3	1,7
	Thể chất	175	91	52,0	84	48,0	0	0
2	Ngôn ngữ	202	102	50,5	86	42,6	14	6,9
	Tính toán	202	118	58,4	70	34,7	14	6,9
	Tin học	202						
	Công Nghệ	202						
	Khoa học	202	124	61,4	74	36,6	4	2,0
	Thẩm mỹ	202	113	55,9	82	40,6	7	3,5
	Thể chất	202	139	68,8	61	30,2	2	1,0
3	Ngôn ngữ	220	74	33,6	124	56,4	22	10,0
	Tính toán	220	85	38,6	120	54,6	15	6,8
	Tin học	220	109	49,5	106	48,2	5	2,3
	Công Nghệ	220	93	42,3	106	48,2	21	9,5
	Khoa học	220	112	50,9	106	48,2	2	0,9
	Thẩm mỹ	220	124	56,4	96	43,6	0	0
	Thể chất	220	153	69,5	67	30,5	0	0
4	Ngôn ngữ	184	41	22,3	128	69,6	15	8,1
	Tính toán	184	68	37,0	99	53,8	17	9,2

	Tin học	184	88	47,8	96	51,2	0	0
	Công Nghệ	184	128	69,6	55	29,9	1	0,5
	Khoa học	184	77	41,9	102	55,4	5	2,7
	Thẩm mỹ	184	81	44,0	99	53,8	4	2,2
	Thể chất	184	91	49,5	93	50,5	0	0
5	Ngôn ngữ	228	79	34,6	113	49,6	36	15,8
	Tính toán	228	103	45,2	117	51,3	8	3,5
	Tin học	228	91	39,9	126	55,3	11	4,8
	Công Nghệ	228	58	25,4	127	55,7	43	18,9
	Khoa học	228	111	48,7	113	49,6	4	1,7
	Thẩm mỹ	228	69	30,3	152	66,7	7	3,0
	Thể chất	228	108	47,4	120	52,6	0	0

***Về hoạt động thi đua các tập thể lớp:**

- Hội thi ***"Tiếng hát măng non"*** cấp trường kết quả:

Giải nhất : 1B, 3C, 4D, 5G

Giải nhì : 1A, 1C, 2C, 2D, 3G, 4B, 5B, 5E

Giải ba : 4A, 1E, 3B, 2A

- Hội thi ***"Trang trí lớp học - Góc học tập thân thiện"***

Kết quả :Giải A :1A, 2E, 2G, 3C, 4D, 4E, 5G

Giải B :1C, 1D, 1E, 2B, 3A, 3B, 3D, 3E, 4A, 4B, 5A, 5B, 5C

Giải C :1B, 2A, 2C, 2D, 5D

Không xếp loại : 3G, 4C, 5E.

- Tổ chức thi IOE cấp trường: Có 2 em được BTC tặng GCN.

***Về giáo viên:**

- Giáo viên đăng kí và thực hiện 37 tiết dạy tốt- học tốt. BGH cùng tổ chuyên môn dự giờ và đánh giá 10 tiết, kết quả đạt 10/10 tiết tốt.

- GVCN ở tất cả các lớp triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức phong trào thi đua chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam, tạo không khí thi đua sôi nổi ở lớp, trường

4. Công tác bồi dưỡng đội ngũ

- Tổ chức cho giáo viên tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn do cấp trên tổ chức.
- Khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng, chia sẻ kinh nghiệm trong sinh hoạt chuyên môn.

- Thực hiện tốt công tác dự giờ, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

5. Các hoạt động giáo dục khác

- Tổ chức hiệu quả các hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.
- Tham gia đầy đủ các phong trào, hội thi do ngành phát động.
- Đảm bảo an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích cho học sinh

III. HẠN CHẾ, TỒN TẠI

- Một số giáo viên còn lúng túng trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển năng lực học sinh.
- Chất lượng học sinh giữa các lớp chưa đồng đều; còn học sinh tiếp thu chậm.
- Việc khai thác và sử dụng thiết bị dạy học hiện đại chưa thật sự hiệu quả

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HỌC KỲ II

- Tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn, chú trọng đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.
- Tăng cường phụ đạo học sinh chưa hoàn thành và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý.
- Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, đánh giá cuối năm học theo đúng quy định.
- Phân đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2025–2026.

Trên đây là báo cáo sơ kết công tác chuyên môn Tiểu học học kỳ I năm học 2025–2026 của Trường Tiểu học Phổ An.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (bc);
- Lưu: VT.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Việt